TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT
Ngày: 01/02/2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Bùi Thị Nguyễn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang*:* Ông Vũ Hồng Thanh, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLPT- KDTM, ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh AG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2017/QĐXX-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 12345, HV, HK, HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú – Tổng Giám đốc Ngân hàng A

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quốc V, chức vụ: Phó Giám đốc PGD AP - Chi nhánh Ngân hàng A Bắc AG (Giấy ủy quyền số 928/GUQ-BIDV.BAG ngày 12/7/2017) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt)

2.2. Bà Thái Thị Ngọc H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh AG.

Đại diện ủy quyền bà Thái Thị Ngọc H có ông Thái Văn K, sinh năm 1950. Cư trú tại: ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh AG. (Giấy ủy quyền ngày 06/10/2017) (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Mai Văn B, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh AG.

3.2. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962 (vắng mặt)

3.3. Bà Phan Thị Ngọc Q, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 29, ấp VH, xã VL, huyện AP, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Bà Thái Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

*Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*Ngày 09/12/2013 ông Đ và bà H ký hợp đồng tín dụng số NA.0199.13/HĐTD với Ngân hàng AB nay là Ngân hàng A để vay 800.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn mua bán lúa gạo, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 12,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, trả nợ gốc một lần vào ngày 10/12/2014, trả lãi vào ngày 10 hàng quý. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, ông Đ và bà Hà có thế chấp các tài sản gồm: 01 quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số giấy chứng nhận CH 02237 aL do UBND huyện AP cấp ngày 28/9/2011; 01 quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số giấy chứng nhận CH 02555 bL do UBND huyện AP cấp ngày 02/11/2012; 01 quyền sở hữu nhà ở số 5003 060 277 do UBND huyện AP cấp ngày 16/6/2006; 01 quyền sử dụng đất số 02347 QSDĐ/pL do UBND huyện AP cấp ngày 17/11/1994 và 01 quyền sử dụng đất số H00264 pL do UBND huyện AP cấp ngày 08/7/2009.

Do ông Đ, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đến gặp ông bà để đôn đốc trả nợ nhưng do ông, bà không còn kinh doanh nên không còn khả năng thanh toán.

Nay yêu cầu ông Đ, bà H thanh toán khoản nợ vay gồm vốn gốc 800.000.000 đồng, lãi trong hạn là 167.436.264 đồng và lãi quá hạn là 48.333.345 đồng (lãi tính đến ngày 04/5/2016), đồng thời tiếp tục thanh toán toàn B lãi vay phát sinh sau ngày 04/5/2015 với lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số NA.0199.13/HĐTD cho đến khi phía bị đơn trả dứt nợ. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 0199.13/HĐTC ngày 09/12/2013 được ký kết tại Văn phòng Công chứng huyện AP và đã được đăng ký thế chấp ngày 09/12/2013.

Bị đơn là ông Mai Văn Đ và bà Thái Thị Ngọc H không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên tại các phiên hòa giải và tại các biên bản ghi lời khai ông, bà thừa nhận có vay của

Ngân hàng A (trước đây là Ngân hàng AB) với số tiền, lãi suất, thời hạn, phương thức thanh toán... như nguyên đơn đã trình bày. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xin gia hạn thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày:

Ông Mai Văn B trình bày: Ngày 09/01/2013 ông có nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Đ, bà Hà 01 diện tích đất nông nghiệp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00264 pL do UBND huyện AP cấp ngày 08/7/2009. Do phía ông Đ, bà H không chịu làm thủ tục sang tên cho ông mà lại dùng tài sản này thế chấp vay tại Ngân hàng A nên ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nói trên.

Ông Nguyễn Văn Th và bà Phan Thị Ngọc Q trình bày: ông bà có nhận chuyển nhượng 15.000 m^2 đất rẫy từ ông Thái Văn K, cha ruột bà H. Ông K chỉ sang tên phần đất mà ông đứng tên còn lại 1.648 m^2 do bà H đứng tên thì chưa làm thủ tục sang tên được. Nay ông, bà được biết bà H đã thế chấp phần đất này cho ngân hàng nhưng ông bà không tranh chấp với bà H, chỉ yêu cầu được tiếp tục làm trên đất cho đến khi bà H lấy giấy chứng nhận QSDĐ lại thì phải làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông bà.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp chứng cứ mới. Bị đơn xin được trả dần mỗi năm 100.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Tại buổi làm việc ngày 26/6/2017 đại diện của nguyên đơn cho biết tính đến ngày 26/6/2017 thì phí bà H đã trả được 350.000.000 đồng vốn và 76.174.847 đồng tiền lãi, nay chỉ yêu cầu phía bị đơn thanh toán 450.000.000 đồng vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 27/6/2017 là 354.849.459 đồng, đại diện Ngân hàng đề xuất cách thanh toán là nếu đến ngày 30/6/2017 ông Đ, bà H thanh toán dứt số tiền vốn còn thiếu là 450.000.000 đồng thì sẽ giảm phần tiền lãi còn lại là 100.000.000 đồng (tổng cộng chỉ phải trả 550.00.000 đồng), nếu quá thời hạn trên thì phải thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh nhưng các bị đơn không thống nhất với cách thanh toán mà đại diện nguyên đơn đề xuất.

Ngày 27/6/2017, ông Mai Văn B rút lại yêu cầu độc lập đối với ông Đ, bà H, lý do các bên đã tự thỏa thuận được với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện: về phần tiền lãi phát sinh tính đến ngày 25/8/2017 là 368.677.584 đồng. Ông cho biết giữa Ngân hàng và bị đơn đã nhiều lần gặp mặt để thương lượng cách giải quyết nhưng không thành. Việc đất đã chuyển nhượng cho người có liên quan thì do bị đơn không thông báo và hợp đồng chuyển nhượng không đúng pháp luật vì tài sản đang thế chấp nên không phát sinh hiệu lực, không có ý kiến.

Tại bản án sơ thẩm số 26/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh AG xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Mai Văn Đ và bà Thái Thị Ngọc H phải trả cho Ngân hàng số tiền 818.677.584 đồng gồm nợ gốc còn thiếu là 450.000.000 đồng và lãi là 366.568.209 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 0199.13/HĐTC ngày 09/12/2013 được ký kết tại Văn phòng Công chứng huyện AP và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/12/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện AP để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Khi bị đơn thanh toán xong toàn B khoản nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ giao trả lại tài sản thế chấp và thực hiện thủ tục xóa đăng kí thế chấp theo quy định chung.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn B.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử bà Thái Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn B bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện AP, tỉnh AG.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 B luật tố tụng dân sự năm 2015, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo các quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của B luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các

nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của B luật tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 B luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 B luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà Thái Thị Ngọc H trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Các đương sự còn lại trong vụ án không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2]. Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất có ký hợp đồng tín dụng và thống nhất ký kết các điều khoản trong hợp đồng với Ngân hàng và thể hiện rõ mục đích vay là bổ sung vốn mua bán lúa gạo. Ông Mai Văn Đ và bà Thái Thị Ngọc H có thế chấp tài sản để bảo đảm vốn vay.

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông Đ, bà H thống nhất số tiền vay của Ngân hàng là 800.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 04/5/2016 lãi trong hạn là là 167.436.264 đồng và lãi quá hạn là 48.333.345 đồng. Nhưng tại buổi làm việc ngày 26/6/2017 đại diện của nguyên đơn cho biết tính đến ngày 26/6/2017 thì phía bà H đã trả được 350.000.000 đồng vốn và 76.174.847 đồng tiền lãi, nay chỉ yêu cầu phía bị đơn thanh toán 450.000.000 đồng vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 27/6/2017 là 354.849.459 đồng, đại diện Ngân hàng đề xuất cách thanh toán là nếu đến ngày 30/6/2017 ông Đ, bà H thanh toán dứt số tiền vốn còn thiếu là 450.000.000 đồng thì sẽ giảm phần tiền lãi còn lại là 100.000.000 đồng (tổng cộng chỉ phải trả 550.00.000 đồng), nếu quá thời hạn trên thì phải thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh nhưng các bị đơn không thống nhất với cách thanh toán mà đại diện nguyên đơn đề xuất vì hoàn cảnh khó khăn nên xin gia hạn thanh toán mỗi năm 100.000.000 đồng.

Qua tranh luận công khai tại phiên tòa đại diện ủy quyền hợp pháp của bà Hà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là đồng ý trả số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng nhưng đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét sự nổ lực trong việc trả nợ của vợ chồng bà hà, ông Đ trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng để có chính sách phù hợp đề nghị cho kéo dài thời gian thanh toán nợ. Nhưng đại diện

của Ngân hàng không đồng ý theo yêu cầu của người kháng cáo và thống nhất như bản án sơ thẩm đã xét xử, không có ý kiến khác.

Xét thấy Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A CN Bắc AG với ông Mai Văn Đ và bà Thái Thị Ngọc H đã thể hiện rõ về vốn vay, thời gian vay, lãi suất phải trả và hai bên tự nguyện ký kết hợp đồng. Do ông Đ, bà H vi phạm hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện là đúng pháp luật và cấp sơ thẩm đã xem xét các điều khoản theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, cũng như những tài sản thế chấp để buộc vợ chồng ông Đ, bà Hà trả nợ là có cơ sở.

Do đó các nội dụng kháng cáo của bà Hà không có cơ sở để chấp nhận cần giữ nguyên bản án như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Về án phí phúc thẩm

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 B luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thái Thị Ngọc H.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh AG. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Mai Văn Đ và bà Thái Thị Ngọc H phải trả cho Ngân hàng số tiền 818.677.584 đồng gồm (nợ gốc còn thiếu là 450.000.000 đồng và lãi là 366.568.209 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 0199.13/HĐTC ngày 09/12/2013 được ký kết tại Văn phòng Công chứng huyện AP và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/12/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện AP để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Khi bị đơn thanh toán xong toàn B khoản nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ giao trả lại tài sản thế chấp và thực hiện thủ tục xóa đăng kí thế chấp theo quy định chung.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn B.

Án phí: Ông Đ và bà Hà phải chịu 36.560.327 (Ba mươi sáu triệu năm trăm sáu chục ngàn ba trăm hai mươi bảy) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.230.000 (Hai mươi mốt triệu hai trăm ba chục ngàn) đồng theo biên lai thu số 0005197 ngày 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP.

Ông Mai Văn B không phải chịu án phí, ông được nhận lại số tiền 13.215.000 (Mười ba triệu hai trăm mười lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005507 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP.

Án phí phúc thẩm bà Hà phải chịu 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ tạm nộp án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0010803 ngày 02/10/2017 và biên lai thu số 0010833 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh AG.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hữu Giàu